TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 01- 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Trường

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu, thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLST- HNGĐ ngày 23/11/2022 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc M1., sinh năm 1993; HKTT: Đội 14, thôn Đ., xã T., thành phố H., tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị L1., sinh năm 1999; Trú tại: Thôn T.B, xã P.S.N, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên.

Hiện chị L1. đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H1., sinh năm 1980; Trú tại: Thôn T.B, xã P.S.N, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Lương Thị M2., sinh năm 1972; Trú tại: Đội 14, thôn Đ., xã T., thành phố H., tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự, người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn anh Phạm Ngọc M1. trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị L1., sinh năm 1999; trú tại: Thôn T.B, xã P.S.N, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu và có

đăng ký kết hôn số 33 ngày 22/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T., tp. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương hai vợ chồng về nhà anh M1. sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm sống. Hai bên không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Năm 2018, chị L1. bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Gia đình anh có đến nói chuyện mong muốn đón về nhưng chị L1. không về. Năm 2019, chị L1. đi lao động tại Đài Loan. Vợ chồng anh chị không liên lạc với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trước khi đi Đài Loan, chị L1. có một lần làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án thành phố H. nhưng sau đó đã rút đơn để đi nước ngoài nên chưa giải quyết. Do cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa anh và chị L1. không còn tình cảm vợ chồng nên anh đề nghị được ly hôn chị L1..

* Về con chung: Vợ chồng anh không có nên không không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Giữa anh và chị L1. không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị L1. tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2022 qua cuộc gọi facebook của mẹ đẻ chị L1. là bà H1. (facebook là Hương Hương Nguyễn và facebook của chị L1. là Linh Kẹo) thì chị L1. có quan điểm như sau: Chị đã nhận được thông báo thụ lý giải quyết vụ án số 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 và công văn số 359/CV - TA ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Ngọc M1. và chị. Theo chị L1., anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian. Do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019, chị đi lao động tại Đài Loan. Từ đó giữa chị và anh M1. không liên lạc, hai bên không quan tâm đến nhau. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với anh M1..

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng là không có nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã T. cung cấp: Anh Phạm Ngọc M1. và chị Trần Thị L1. có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã T. vào ngày 22/5/2018. Trong quá trình anh M1. và chị L1. sinh sống tại địa phương, Ủy ban không nắm được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Đồng thời đề nghị Tòa xác minh tại hai bên gia đình. Nay anh M1. có đơn xin ly hôn chị L1., quan điểm của ủy ban đề nghị Tòa

án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Những người làm chứng:

- Bà Lương Thị M2. trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh M1. và là mẹ chồng của chị L1.. Việc kết hôn giữa anh M1. và chị L1. là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn anh chị về sống cùng gia đình bà tại Đội 14, thôn Đ., xã T., tp. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chị L1. bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Gia đình bà có xuống nhà chị L1. khuyên can nhưng không được. Năm 2019, chị L1. đi Đài Loan lao động không liên lạc gì với gia đình bà. Nay anh M1. xin ly hôn chị L1., quan điểm của bà xác định hai anh chị không còn tình cảm với nhau, chị L1. cũng không có ý định về đoàn tụ với anh M1. nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về tài sản, công sức, công nợ: Vợ chồng anh chị không có liên quan đến gia đình bà nên bà không yêu cầu gì.

- Bà Nguyễn Thị H1. là mẹ đẻ của chị L1. trình bày: Việc kết hôn giữa anh M1. và chị L1. là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian vợ chồng anh chị chung sống có sự việc va chạm cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau dẫn tới cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M1. và chị L1. ly hôn nhau. Mọi giấy tờ, thủ tục mà Tòa án gửi cho chị L1. thì bà sẽ là người nhận thay chị L1., bà cam đoan sẽ gửi và thông báo lại cho chị L1..

Về tài sản, công nợ, ruộng nông nghiệp, công sức; vợ chồng anh M1. và chị L1. không liên quan gì đến gia đình bà. Bà đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng đều vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Ngọc M1.. Xử cho anh Phạm Ngọc M1. được ly hôn chị Trần Thị L1.. Về con chung: Không có nên không giải quyết. Về tài sản, công nợ, công sức, ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu. Về án phí: anh M1. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị L1. là bị đơn, hiện đang lao động tại Đài Loan. Tại Công văn số

27019/QLXNC - P5 ngày 13/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định: Có trường hợp chị Trần Thị L1., sinh ngày 07/3/1999; Hộ khẩu thường trú: Đ., T., thành phố H., tỉnh Hưng Yên; đã sử dụng hộ chiếu C6597917, để xuất cảnh ngày 05/5/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh M1., bị đơn chị L1. và những người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và người làm chứng theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do Uỷ ban nhân dân xã T., thành phố H., tỉnh Hưng Yên cấp ngày 22/5/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa anh M1. và chị L1. là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng với gia đình nhà chồng tại đội 14, thôn Đ., xã T., thành phố H., tỉnh Hưng Yên. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến tháng 12 năm 2018 chị L1. bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T.B, xã P.S.N, huyện P.C, tỉnh Hưng Yên. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hai bên thực sự không còn quan tâm chia sẻ, liên lạc với nhau, kinh tế độc lập. Trước khi đi nước ngoài lao động, chị L1. cũng đã một lần làm đơn gửi Tòa án thành phố H. để xin ly hôn anh M1. nhưng sau đó rút đơn. Năm 2019, chị L1. đi Đài Loan, vợ chồng anh chị chính thức ly thân từ đó cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh M1. và chị L1. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thực sự không còn quan tâm đến nhau, không đồng lòng chung sức để gìn giữ tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng một gia đình hạnh phúc. Anh M1. xin ly hôn, chị L1. nhất trí. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh M1. ly hôn chị L1. để hai bên ổn định và có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung: Không có nên tòa không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh M1. và chị L1. đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh M1. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 238; Điều 273, Điều 479; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc M1..

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc M1. được ly hôn chị Trần Thị L1..

[2]**.** Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh M1., chị L1. đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Phạm Ngọc M1. phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng*)* đã nộp tại Biên lai thu số 0000177 ngày 23/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh M1. đã nộp đủ.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc M1. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị Trần Thị L1. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã T.;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Thực